TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/DS-ST
Ngày 26 - 3 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền:

+ Anh Nguyễn Hoàng H – Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng C, số A, N, phường L, thành phố C (vắng mặt).

+ Anh Lê Văn M – Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng C, số A, N, phường L, thành phố C (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trương Tiền P, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp M , xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/01/2023 Ngân hàng TMCP V (V1) với ông Trương Tiền P ký kết hợp đồng tín dụng, mở sử dụng tài khoản thanh toán để vay với số tiền vốn 38.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là 21%/ năm. Trong quá trình ông P không thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng, tính đến ngày 26/3/2026 ông P còn thiếu Ngân hàng số tiền vốn là 37.990.123 đồng và số tiền lãi là 30.914.463 đồng.

Ngân hàng V1 yêu cầu ông Trương Tiền P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 37.990.123 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/3/2026 là 30..914.463 đồng và yêu cầu ông P phải thanh toán lãi phát sinh sau ngày 26/3/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu ông Trương Tiền P trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trương Tiền P đã được Toà án niêm yết các thủ tục tố tụng đúng quy định nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1: Ông P có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V1 để vay là thực tế có xãy ra được thể hiện tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình vay, ông P không thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy rằng, hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng V1 và ông P về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử ngày 26/3/2026 thì ông P còn nợ Ngân hàng V1 số tiền vốn gốc 37.990.123 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/3/2026 là 30.914.463 đồng. Tổng cộng là 68.904.586 đồng. Như vậy, việc ông P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của Ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

Việc ông P không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng V1, không cung

cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Tiền P phải chịu quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1).

1. Buộc ông Trương Tiền P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V1 tổng số tiền 68.904.586 đồng (trong đó vốn gốc 37.990.123 đồng và số tiền lãi 30.914.463 đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP V (V1) không phải chịu, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 1.155.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007370 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

Ông Trương Tiền P phải chịu 3.445.229 đồng.

4. Kể từ ngày Ngân hàng TMCP V (V1) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương Tiền P chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông P còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Yến